

# A TỶ ĐÀM TÂM LUẬN KINH

## QUYỂN 5

### Phẩm 7: ĐỊNH (Phần cuối)

Đã nói tự tánh của công đức, cũng đã nói hữu lậu, vô lậu. Nay sẽ nói việc thành tựu công đức.

*Phải biết chưa lia dục*

*Thành tựu vị tương ứng*

*Lìa dưới, chưa đến (địa) trên*

*Thành tựu các định tịnh.*

Phải biết chưa lia dục, thành tựu vị tương ứng, nghĩa là hoặc người, hoặc địa này chưa lia dục thì thành tựu vị tương ứng của địa ấy. Lìa địa dưới, chưa đến địa trên, chỉ là thành tựu định tịnh, là lia dục cõi Dục, chưa sinh lên cõi trời Phạm thế trong Nhị thiên v.v... Lìa dục hay không lia dục, chỉ là thành tựu Sơ thiên thanh tịnh và công đức thiện khác của địa ấy.

*Trụ địa trên, phải biết*

*Thành tựu vô lậu dưới*

*Phương tiện sinh công đức*

*Phải biết không lia dục.*

Trụ địa trên, phải biết là thành tựu vô lậu của địa dưới: Nghĩa là bậc Thánh sinh lên cõi trời Phạm Thế, thành tựu Sơ thiên vô lậu và vô lậu khác. Thân thông tam muội và các công đức như trí, v.v... công đức hữu lậu của địa đó, ràng buộc chỗ sinh. Vô lậu cắt đứt sự buộc ràng, nên lìa chỗ sinh, Xả hữu lậu, không phải vô lậu. Như vậy, tất cả địa đều tùy thuộc nghĩa mà nói.

Phương tiện sinh ra công đức, phải biết không lia dục, nghĩa là đã nói lia dục của địa dưới, thành tựu các công đức thì phải biết nói được thành tựu là không hiện ra ở trước. Phương tiện hiện ra ở trước nghĩa là địa đó không lia dục. Phương tiện được: Là như thiên nhân, thiên nhĩ, vì chúng là vô ký, không thuộc về tương ứng vị tịnh vô lậu. Thế nên,

lúc được ba thứ thiên kia, không được định Diệt tận. Định Diệt tận là phương tiện. Định đó được hai mươi ba thứ chánh thọ hiện ở trước. Tám vị tương ứng với tám tịnh, bảy vô lậu.

Hỏi: Trong mỗi loại kia có bao nhiêu nhân?

Đáp:

*Chỗ gọi định vô lậu  
Mỗi định có bảy nhân  
Thiền tịnh, vị tương ứng  
Nên biết có một nhân.*

Cái gọi là định vô lậu, mỗi định đều có bảy nhân: Mỗi vô lậu đều có bảy thứ. Trong vô lậu, tự phân ra tự địa của nhân trong nhân, nghĩa là cũng là nhân tương ứng, cộng sinh. Thiền tịnh vị tương ứng, phải biết có một nhân, nghĩa là vị tương ứng với Sơ thiền, là nhân của Sơ thiền vị tương ứng chứ không phải nhân khác. Vì nhân của Sơ thiền, không tương tự chứ không phải là nhân cấu uế của địa khác, hành trái nghịch. Không phải hành cấu uế trái nghịch, cũng không phải là phần của mình. Như vậy, tịnh Sơ thiền là nhân của tịnh Sơ thiền, không phải cấu uế, không phải vô lậu. Vì sao? Vì không có tương tự, không phải nhân tịnh của địa khác. Vì quả báo của địa mình và vì sự ràng buộc của địa mình nên tất cả như vậy.

Hỏi: Theo trình tự mỗi thiên vô lậu sinh ra bao nhiêu thứ?

Đáp:

*Thiền vô lậu Vô Sắc  
Ngược, xuôi vượt thứ lớp  
Thứ lớp sinh sáu thứ  
Phải biết cho đến mười.*

Sơ thiền vô lậu, theo trình tự sinh ra sáu thứ. Địa mình tịnh và vô lậu. Nhị thiền, Tam thiền như vậy, siêu việt chánh thọ như vậy. Vô sở hữu xứ vô lậu, theo trình tự sinh ra bảy thứ: địa mình hai, địa dưới bốn, địa trên một. Nhị thiền vô lậu, theo trình tự sinh ra tám thứ: địa mình hai, địa Sơ thiền hai, địa trên bốn. Vô biên thức xứ Vô lậu, theo trình tự phát sinh chín thứ: Địa mình hai, địa dưới bốn, địa trên ba. Vô lậu khác, theo trình tự sinh mười thứ: Địa mình hai, địa dưới bốn, địa trên bốn.

*Hoặc sáu đến mười một  
Là tịnh thứ lớp sinh  
Từ hai cho đến mười  
Phải biết nói có vị.*

Hoặc sáu đến mười một, là tịnh thứ lớp sinh: Nghĩa là Phi tướng

Phi phi tướng xứ tịnh theo lớp phát sinh sáu thứ: Địa mình vị tương ứng và tịnh, bốn địa dưới là tịnh và vô lậu chứ không phải Vị tương ứng vì đã lìa dục.

Sơ thiên tịnh theo trình tự sinh bảy: Địa mình ba, địa trên bốn là tịnh và vô lậu.

Bất dụng xứ, tịnh theo trình tự sinh tám: Địa mình ba, địa trên một, địa dưới bốn.

Nhị thiên tịnh theo trình tự sinh chín. Vô biên thức xứ theo trình tự sinh mười, thiên khác sinh mười một. Tất cả là như vậy.

Phải biết, lúc chánh thọ mới nói như vậy, chứ không phải lúc chết. Thế nên, trong thiên kia, vị tương ứng với địa trên, địa dưới không gồm nhiếp, không sinh mà được tịnh theo trình tự vị tương ứng với địa trên, địa dưới sinh ra.

Từ hai cho đến mười, phải biết nói có vị, nghĩa là Sơ thiên vị tương ứng, theo trình tự sinh hai: Vị tương ứng và tịnh của địa mình vì chúng không trái nhau. Vị tương ứng với Hữu đảnh, vị tương ứng theo trình tự sinh ra mười, lúc chánh thọ ba, địa mình hai và địa dưới tịnh, vì phiền não của địa mình đã gây phiền não, dựa vào địa tịnh của Bất dụng xứ để tự cứu hộ.

Tất cả địa như vậy, địa dưới tịnh có ba và lúc chết địa trên lui xuống, địa dưới, tất cả vị là vị tương ứng.

Hỏi: Trước đã nói chánh thọ, về phiền não nay sẽ nói chẳng?

Đáp: Theo trình tự của tịnh, chánh thọ. phiền não là nói vị tương ứng và thọ phát sinh phiền não. Vì sao? Vì sức phiền não sinh, không phải là sức của định. Cho nên trong đây nói tất cả phiền não thanh tịnh, chắc chắn là do sức của định, nên nói chung chánh thọ phiền não.

Hỏi: Trong mỗi một địa duyên với bao nhiêu thứ?

Đáp:

*Thiên tịnh và vô lậu  
Chuyển trong tất cả địa  
Pháp hữu lậu địa mình  
Vị tương ứng sở duyên.*

Thiên tịnh và vô lậu, chuyển trong tất cả địa: Nghĩa là thiên tịnh và vô lậu duyên với hết thủy địa, tất cả việc.

Pháp hữu lậu của địa mình, vị tương ứng sở duyên: Nghĩa là thiên có vị tương ứng, duyên với vị tương ứng của địa mình và tịnh, không phải vô lậu. Vì sao? Vì chẳng phải duyên của vô lậu. Có ái cũng không phải ái địa khác.

*Vô Sắc thì không hành  
 Đối với hữu lậu dưới  
 Hoặc thiện căn bản kia  
 Cấu uế như thiên vị.*

Cõi Vô sắc thì không hiện hành đối với sự hữu lậu ở địa dưới mình. Nghĩa là chánh thọ của cõi Vô sắc không duyên với pháp hữu lậu của địa dưới. Vì sao? Vì địa dưới không vắng lặng, cũng duyên với vô lậu của địa dưới, như phần của tỷ trí.

Hỏi: Tất cả hữu lậu đều không duyên với địa dưới chăng?

Đáp: Không đúng, vì nếu căn bản của hữu lậu đó là thiện, nếu căn bản Vô Sắc là tịnh, không có vô lậu thì pháp đó duyên với địa mình và địa trên, không duyên với thiên vị lai của địa dưới. Nếu duyên với địa dưới thì địa dưới đó phải có tướng thô sơ, nhàm chán, lìa bỏ cấu uế. Như thiên vị, có nghĩa như nói vị tương ưng với thiên. Sự cấu uế của Vô Sắc cũng như vậy.

*Nếu cõi Sắc có dư  
 Công đức như Vô lượng v.v...  
 Cảnh giới cõi Dục kia  
 Là lời Thế Tôn nói.*

Nếu công đức cõi Sắc: Nghĩa là bốn Vô lượng, Nhất thiết xứ v.v... pháp đó duyên với cõi Dục. Vì sao? Trừ Thần thông, gọi là Vô lượng v.v...? Vì năm thần thông kia duyên với cõi Dục, cõi Sắc.

Hỏi: Như trước nói, trong huân Thiền tu trí, thế nào gọi là huân?

Đáp:

*Nếu năng huân các thiên  
 Thì căn cứ Tứ thiên  
 Ái ba địa đã hết  
 Tịnh cư chỉ Quảng Quả.*

Nếu năng huân các thiên, thì căn cứ vào Tứ thiên, nghĩa là được Tứ thiên là được năng huân các Thiên chứ không phải thiên khác. Người đó, thường nhập Tứ thiên vô lậu, khởi hiện vô lậu, thường nhập thiên hữu lậu, rồi trở lại nhập vô lậu, nhập hữu lậu, dần lược cho đến trụ trong hai sát-na. Với phương tiện như vậy, hoặc một tâm vô lậu, hoặc một tâm hữu lậu, thời gian một niệm hữu lậu, một niệm vô lậu này, hai niệm một hữu lậu, một vô lậu là nói thành tựu.

Hỏi: Xứ nào được quả này?

Hỏi: Trên cõi trời Tịnh cư. Vì sao? Vì ái của ba địa đã hết, Tịnh cư chỉ có Quảng Quả. Được Tứ thiên, lìa ái của ba địa, cho nên người đó

được Tứ thiền. Phạm phu trong Quảng Quả, Tịnh Cư cùng huân tu thiền, không tu chung với phạm phu, sẽ có năm thứ: Hạ, trung, thượng, thượng trung, thượng thượng. Như vậy năm thứ kia, đó là trời Bất Quảng, trời Vô Nhiệt, trời Thiện Kiến, trời Thiện Hiện và trời Sắc Cứu Cánh, thế nên, được quả trong các xứ đó.

Hỏi: Như trước nói bảy thứ nguyện trí, trí này thế nào?

Đáp:

*Vô trước, Bất động pháp  
Được tất cả chánh thọ  
Sức trí tam muội kia  
Hay khởi danh Tứ thiền.*

Phiền não của người kia, không thể ép ngắt, vì tâm nối tiếp nhau, với sức của tất cả chánh thọ. Vì tâm nối tiếp nhau sinh khởi, nên được ba công đức, đó là nguyện trí, vô tránh và vô ngại.

Nguyện trí: Là nếu muốn biết quá khứ, vị lai, hiện tại và vô vi, thì hành giả lúc đó trụ chánh thọ của Tứ thiền, có khả năng biết. Vô tránh là không muốn dấy lên phiền não tranh cãi tiếp tục đối với người khác, người ấy ở trong sự tiếp nối của người khác không khởi lên phiền não tranh chấp. Vô ngại, như đã nói ở trước.

Hỏi: Nguyện trí thuộc về địa nào?

Đáp:

*Ba địa có Nguyện trí  
Vô tránh trong năm địa  
Pháp Từ biện hai địa  
Hai biện nương chín địa.*

Ba địa có Nguyện trí: Trong Sơ thiền, Tứ thiền và cõi Dục, quyết định được Nguyện trí trong Tứ thiền. Cõi Dục chỉ có trong loài người, mới có khả năng khởi lên tâm lời nói tương ứng với Phạm thế, cõi Dục. Vì xứ đó có dấy khởi tâm và lời nói cho nên nói là ba địa. Trong năm địa vô tránh: Bốn thiền căn bản và cõi Dục. Vô tránh này nhất định được trong bốn thiền và trong loài người cõi Dục có khả năng phát sinh Vô tránh này, chứ không phải xứ khác.

Pháp Từ biện hai địa: Pháp biện ở Phạm thế, cõi Dục: Năm địa này, bốn thiền căn bản và cõi Dục, đây chỉ là danh duyên với ngôn từ, theo danh mà chuyển. Cho nên khởi việc nói năng. Nơi có giác quán, nói là Từ biện tài ở cõi Dục và Phạm thế. Vì sao? Vì duyên với nói năng.

Hai biện tài nương chín địa, là Nghĩa biện tài và Nhạo thuyết biện

tài, trong cõi Dục bốn thiên và bốn định của Vô sắc. Thiên vị lai, trung gian, căn bản thuộc về Sơ thiên.

Hỏi: Được chánh thọ này là thế nào?

Đáp:

*Lìa dục và thọ sinh  
Mà được thiên thanh tịnh  
Cấu uế lui và sinh  
Vô lậu chỉ lìa dục.*

Lìa dục và thọ sinh mà được thiên tịnh, nghĩa là Sơ thiên thanh tịnh có hai lúc được: Được lúc lìa dục và lúc từ địa trên mất, sinh lên Phạm thế, xả bỏ địa đã qua. Tất cả như vậy cấu uế thoái lui và sinh ra, nghĩa là thiên vị tương ứng, thối lui địa trên, được địa dưới, hoặc trong Nhị thiên, hoặc triển ràng buộc của cõi Dục, hoặc triển ràng buộc của trời Phạm thế làm cho thối lui, lúc ấy sẽ được Sơ thiên vị tương ứng.

Vị sinh đắc là Như địa trên mất, sinh cõi Dục và Phạm thế, bấy giờ sẽ được vị tương ứng với Sơ thiên tất cả như vậy. Vô lậu chỉ có lìa dục, nghĩa là thiên vô lậu do lìa dục mà được, bậc Thánh lìa dục cõi Dục, bậc Thánh đó đã được Sơ thiên vô lậu, xưa chưa được, nên nay được, tất cả đều như vậy.

Hỏi: Công đức này là gì? Có khả năng dứt trừ phiền não hay không?

Đáp:

*Vô lậu trừ phiền não  
Chánh thọ, trung gian ấy  
Trung gian, tất cả định  
Tương ứng với xả căn.*

Vô lậu trừ phiền não: Nghĩa là thiên vô lậu Vô Sắc dứt trừ phiền não, chứ không phải thế tục.

Hỏi: Vì sao thế tục không dứt trừ phiền não?

Đáp: Vì đồng một ràng buộc. Thế tục có chung một sự ràng buộc của phiền não, nên không thể tự cắt đứt phiền não của địa mình. Như người bị trói chặt, thì không thể tự cởi trói được, hoặc đổi trói nó và dứt phiền não trong đó sinh.

Hỏi: Tất cả thế tục đều không thể dứt trừ phiền não chăng?

Đáp: Có thế tục có thể dứt trừ phiền não.

Hỏi: Là gì?

Đáp: là chánh thọ, trung gian. Nghĩa là thiên vị lai vẫn chưa được thiên căn bản, nếu vận dụng phương tiện, được lìa dục của địa dưới thì

Sơ thiền vị lai là hữu lậu, vô lậu. Còn ngoài ra Thiền vị lai chỉ hoàn toàn hữu lậu. Vì thiền căn bản và chánh thọ của Vô sắc, nên nói thế tục không dứt phiền não.

Hỏi: Chỗ nào là cận phần thiền?

Đáp: Trung gian của tất cả định tương ứng với xả căn, trong tất cả chánh thọ tương ứng với xả căn, vì chưa được điều mình mong cầu, nên không sinh hỷ.

Hỏi: Mặc dù nói thần thông trí chứng của cảnh giới thần túc, nhưng chưa nói là có bao nhiêu tâm biến hóa, nay sẽ nói chăng?

Đáp: Mười bốn quả Sơ thiền của cõi Dục. Địa Sơ thiền, quả Sơ thiền. Quả của Nhị thiền cõi Dục. Quả của Sơ Thiền địa Nhị thiền, quả của Nhị thiền địa Nhị thiền, cho đến thiền thứ tư cũng như vậy.

Hỏi: Thiền kia thành tựu cái gì? Đáp:

*Tâm biến hóa địa dưới Thành tựu giống  
quả đó Tùy tương ứng thức kia, Thành tựu  
địa trên kia.*

Tâm biến hóa địa dưới, thành tựu hạt giống của quả đó: Nghĩa là Nếu người nào thành tựu thiền thì người đó sẽ thành tựu quả của thiền ấy, với tâm biến hóa của địa dưới. Như được Sơ thiền, là địa của Sơ thiền, quả của Sơ thiền trong cõi Dục. Thành tựu tất cả như vậy, cần phải biết.

Hỏi: Trước kia ông đã nói Nhị thiền v.v... không có năm thức thân. Nếu sinh lên cõi trên, nếu muốn thấy, nghe, thì người đó làm sao thấy, nghe?

Đáp: Thức của Phạm Thế khởi hiện ra trước. Hỏi: Vì sao ở địa trên không có thức này?

Đáp: Vì không có giác, quán.

Hỏi: Đến bao giờ thì thức kia mới thành tựu?

Đáp: Tùy thuộc vào pháp tương ứng với thức đó, địa trên của thức đó được thành tựu, cho đến pháp tương ứng với thức kia bấy giờ mới thành tựu, hoặc nhãn thức, hoặc nhĩ thức, hoặc thân thức, đều tùy thuộc vào sự khởi hiện trước mặt và lúc ấy mới thành tựu. Đến lúc thức này tắt mất, gọi là xả. Vì sao? Vì lệ thuộc ở căn.